

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 261/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 9 năm 2024

Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Mười

Ông Nguyễn Văn Nhi

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 436/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 268/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thanh T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số 57B Ấp 0, xã T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Bị đơn: Ông Tô Thanh P, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số 57B Ấp 0, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Mai Thanh T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Tô Thanh P kết hôn với nhau vào năm 1985, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND phường 0, thị xã Cà Mau (nay là thành phố Cà Mau). Hiện tại cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, sống chung với nhau càng thêm mệt mỏi nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên Tô Mai P, sinh năm 1987, Tô Hiền P, sinh năm 1990 và Tô Khánh P, sinh năm 1994. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đối với bị đơn ông Tô Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Mai Thanh T và ông Tô Thanh P kết hôn với nhau vào năm 1985, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND phường 7, thị xã Cà Mau (nay là thành phố Cà Mau). Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà T xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, bất đồng quan điểm về công việc làm ăn, ông P thường xuyên gây nợ rồi bỏ đi để mặc cho vợ con lo trả nợ cho ông P, sự việc diễn ra nhiều lần nhưng ông P vẫn không sửa đổi. Bà T xác định đời sống hôn nhân đến nay không thể tiếp tục duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại vợ chồng không còn sống chung với nhau nên cương quyết xin ly hôn với ông P. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà Mai Thanh T được ly hôn với ông Tô Thanh P.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên tên Tô Mai P, sinh năm 1987, Tô Hiền P, sinh năm 1990 và Tô Khánh P, sinh năm 1994, đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà T xác định tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét, giải quyết

[5] Về nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn thuộc diện người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí và tại phiên tòa xác định không xin miễn án phí nên phải án phí theo quy định pháp luật, có dự nộp được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Mai Thanh T được ly hôn với ông Tô Thanh P.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Mai Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng. Ngày 22/7/2024 bà T có nộp tạm ứng 300.000 đồng theo lai thu số 0009108 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được

chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND phường 7; thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang